

Phụ lục số 1

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
VÀ NHU CẦU TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC NĂM 2024**
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNN ngày /10/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

T T	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc được giao năm 2024			Số lượng người làm việc (viên chức) hiện có đến 30/7/2024			Số lượng người làm việc chưa tuyển dụng viên chức tính đến 30/7/2024			Đăng ký tiếp nhận vào làm viên chức năm 2024		
		Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo
1	Trung tâm Quy hoạch Thiết kế Nông lâm Thủy sản	22	7	15	12	7	5	10	0	10	2	0	2
2	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	61	5	56	28	5	23	33	0	33	6	0	6
Cộng		83	12	71	40	12	28	43	0	43	8	0	8

Ghi chú: Biểu trên chỉ thể hiện chỉ tiêu tiếp nhận vào làm viên chức.

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐĂNG KÝ TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC NĂM 2024
TRUNG TÂM QUY HOẠCH THIẾT KẾ NÔNG LÂM THỦY SẢN**

TT	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết			Số lượng người làm việc được giao			Số lượng người làm việc (viên chức) hiện có			Số lượng người làm việc đăng ký tiếp nhận vào làm viên chức			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	Nhóm Vị trí việc làm quản lý, lãnh đạo	7	6	1	7	6	1	5	5					
1	Giám đốc	1	1		1	1		1	1					
2	Phó Giám đốc	2	2		2	2		1	1					
3	Trưởng phòng	2	2		2	2		1	1					
4	Phó Trưởng phòng	2	1	1	2	1	1	2	2					
II	Nhóm Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	10		10	10		10	4	1	3	2		2	

TT	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết			Số lượng người làm việc được giao			Số lượng người làm việc (viên chức) hiện có			Số lượng người làm việc đăng ký tiếp nhận vào làm viên chức			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	
1	Điều tra nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản hạng III	8		8	8		8	2		2	2		2	
2	Điều tra nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản hạng IV	2		2	2		2	2	1	1				
III	Nhóm Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	5	1	4	5	1	4	3	1	2				
1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1		1	1		1	1	1					
2	Cán sự về hành chính - văn phòng	1		1	1		1	1		1				
3	Phụ trách kế toán	1	1		1	1								01 PTP kiêm nhiệm
4	Chuyên viên về tổng hợp	1		1	1		1							
5	Nhân viên thủ quỹ	1		1	1		1	1		1				
Tổng cộng		22	7	15	22	7	15	12	7	5	2		2	

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2.2

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ NHU CẦU TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC NĂM 2024
CỦA TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**

TT	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết			Số lượng người làm việc được giao			Số lượng người làm việc (viên chức) hiện có			Số lượng người làm việc đăng ký tiếp nhận vào làm viên chức			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	Nhóm Vị trí việc làm quản lý, lãnh đạo	18	5	13	13	5	8	13	5	8				
1	Giám đốc	1	1		1	1		1	1					
2	Phó Giám đốc	2	2		2	2		2	2					
3	Trưởng phòng và tương đương	7	2	5	6	2	4	6	2	4				
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	8		8	4		4	4		4				
II	Nhóm Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	63		63	33		33	7		7	5		5	
1	Kỹ thuật Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	29		29	21		21	4		4	5		5	

TT	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết			Số lượng người làm việc được giao			Số lượng người làm việc (viên chức) hiện có			Số lượng người làm việc đăng ký tiếp nhận vào làm viên chức			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	
	hạng III													
2	Kỹ thuật Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn hạng IV	29		29	8		8	1		1				
3	Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng III	1		1	1		1	1		1				
4	Phân tích thí nghiệm viên hạng III	4		4	3		3	1		1				
III	Nhóm Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	25		25	15		15	8		8	1		1	
1	Chuyên viên về pháp chế	1		1	1		1			0				
3	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1		1	1		1			0				
6	Chuyên viên về tổng hợp	1		1	1		1			0				
8	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	1		1	1		1			0				
9	Chuyên viên về truyền thông	2		2	2		2	1		1				
10	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	1		1	1		1	1		1				

TT	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết			Số lượng người làm việc được giao			Số lượng người làm việc (viên chức) hiện có			Số lượng người làm việc đăng ký tiếp nhận vào làm viên chức			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	Tổng	Ngân sách	Tự đảm bảo	
11	Kế toán viên	4		4	4		4	3		3	1		1	
12	Kế toán viên trung cấp	2		2										
13	Văn thư viên	1		1	1		1	1		1				
14	Lưu trữ viên hạng III	1		1	1		1	1		1				
16	Chuyên viên thủ quỹ	10		10	2		2	1		1				
Tổng cộng		106	5	101	61	5	56	28	5	23	6	0	6	

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP THEO TỪNG CHỈ TIÊU SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐĂNG KÝ TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNN ngày /10/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên Đơn vị	Biên chế viên chức được giao năm 2024	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng biên chế tinh giản giai đoạn 2024 - 2026	Số lượng viên chức nghỉ hưu giai đoạn 2024-2026	Chỉ tiêu tiếp nhận vào làm viên chức	Vị trí việc làm cần tiếp nhận vào làm viên chức				Ghi chú (ghi rõ thêm các điều kiện bổ sung)
							Chức danh nghề nghiệp, mã số	Mã VTVL	Tên VTVL	Điều kiện, tiêu chuẩn, khung năng lực tối thiểu	
1	Trung tâm Quy hoạch thiết kế NLTS	22	12	0	0	02	Kỹ sư hạng III V.05.02.07	CN.01.05	Điều tra nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản hạng III	- Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các ngành/ chuyên ngành: Lâm nghiệp, Quản lý Tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý đất đai. - Tiếng Anh trình độ bậc 2 (A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.	Giới tính: Nam; Ưu tiên người có kinh nghiệm trong lĩnh vực điều tra, quy hoạch, thiết kế nông lâm nghiệp
2	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	61	28	0	0	05	Kỹ sư hạng III V.05.02.07	CN.02.06	Kỹ thuật Nước sạch và VSMT nông thôn hạng III	- Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các ngành/ chuyên ngành: Cấp thoát nước; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật điện; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện; Điện khí hóa và cung cấp điện; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Nông học; Khuyến nông; Phát triển nông thôn. - Tiếng Anh trình độ bậc 2 (A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; Tin học đạt	

									Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.	
					01	Kế toán viên hạng III V.06.031	CM.13.16	Kế toán viên hạng III	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở một trong các ngành/ chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, tài chính - Tiếng Anh trình độ bậc 2 (A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; Tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. 	

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NGHỈ HƯU GIAI ĐOẠN 2024-2026**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, vị trí việc làm	Đơn vị công tác	Chuyên môn, nghiệp vụ	Ngày tháng năm nghỉ hưu
1	Đặng Thuyên	27/2/1964	Giám đốc	Ban Quản lý Cảng cá tỉnh Quảng Bình	Kế toán – Tài chính	1/6/2025
2	Phạm Văn Hoan	14/5/1963	Nhân viên, bảo vệ rừng	Ban Quản lý Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình	Trung cấp lâm nghiệp	01/6/2024